

Số: 156/QĐ-ĐHĐĐ

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành “Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

Căn cứ Quyết định 534/QĐ-TTg ngày 03/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 17/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học Dân lập Đông Đô sang loại hình tư thục;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 564/QĐ-ĐHĐĐ ngày 25/06/2021 của Hiệu trưởng Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Biên bản số 1300/BB-ĐHĐĐ ngày 17/11/2022 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Đông Đô về việc Thảo luận, thông qua chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành Luật kinh tế, Điều dưỡng, Quản trị kinh doanh và quy trình, nội dung đánh giá, cập nhật, bổ sung, soạn thảo chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành còn lại;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế”, mã ngành 7380107 – Theo định hướng nghề nghiệp.

Điều 2. Chương trình trên áp dụng cho đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và là cơ sở để biên soạn chương trình đào tạo cùng trình độ các hệ đào tạo khác của ngành Luật Kinh tế từ năm tuyển sinh 2023.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Đào tạo và Quản lý sinh viên, Khảo thí - Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, Tài chính - Kế toán, Trưởng Khoa Luật Kinh tế chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
ĐÔNG ĐÔ
TS. Nguyễn Thái Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ
MÃ NGÀNH: 7380107



HÀ NỘI, NĂM 2023

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

*(Ban hành theo Quyết định số 156/QĐ-ĐHĐĐ ngày 05 tháng 3 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Luật Kinh tế

Mã ngành: 7380107

Phương thức tổ chức đào tạo: Tín chỉ

Hình thức đào tạo: Đại học chính quy, Vừa làm vừa học

Hình thức tổ chức đào tạo: Trực tiếp; trực tuyến hoặc kết hợp hình thức trực tiếp và trực tuyến.

1. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

Khối kiến thức	Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn	Tổng	Tỉ lệ CTĐT (%)
Kiến thức giáo dục đại cương	24	6	29	21,8%
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó:	70	23	94	70,7%
- Kiến thức cơ sở ngành	10	0	10	
- Kiến thức ngành, chuyên ngành	61	23	84	
Khối kiến thức tốt nghiệp, trong đó:	10	0	10	7,5%
- Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	
- Khóa luận/Các học phần thay thế	6	0	6	
Tổng khối kiến thức của CTĐT	104	29	133	100%

2. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN (Bắt buộc/Tự chọn/Thay thế)	TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA HỌC PHẦN	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC				ĐIỀU KIỆN HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
					TÍN CHỈ LÝ THUYẾT		TÍN CHỈ THỰC HÀNH		
					Trên lớp (Số tiết/Số TC)	Seminar Thảo luận (Số tiết/Số TC)	Trên lớp (Số tiết/Số TC)	Tự học, nghiên cứu (Số tiết/Số TC)	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			29	24		5		
1	ĐCBB01	Triết học Mác-Lênin	BB	3	3		0		
					30	15	0	0	
2	ĐCBB02	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BB	2	2		0		ĐCBB01
					20	10	0	0	
3	ĐCBB03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BB	2	2		0		ĐCBB01 ĐCBB02
					20	10	0	0	
4	ĐCBB04	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BB	2	2		0		ĐCBB01 ĐCBB02 ĐCBB03
					20	10	0	0	
5	ĐCBB05	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2		0		ĐCBB01 ĐCBB02 ĐCBB03
					20	10	0	0	
6	ĐCBB06	Tiếng Anh 1	BB	4	3		1		
					30	15	15	15	
7	ĐCBB07	Tiếng Anh 2	BB	4	3		1		ĐCBB06
					30	15	15	15	
8	ĐCBB08	Tin học đại cương	BB	2	1		1		
					24	6	20	10	
9	ĐCTC01	Kỹ năng thuyết trình	TC	2	1		1		
					24	6	10	20	
10	ĐCTC02	Tiếng anh 3	TC	4	3		1		
					15	15	15	15	
11	ĐCTC03	Kỹ năng mềm	TC	2	2		0		
					24	6	0	0	
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			94	94		0		
	Khối kiến thức cơ sở ngành			10	10		0		
12	LKT.BB01	Lý luận về Nhà nước và Pháp luật	BB	2	2		0		
					24	6	0	0	
13	LKT.BB02	Pháp luật đại cương	BB	2	2		0		
					24	6	0	0	
14	LKT.BB03	Luật Hiến pháp Việt Nam	BB	3	3		0		
					36	9	0	0	

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN (Bắt buộc/Tự chọn/Thay thế)	TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA HỌC PHẦN	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC				ĐIỀU KIỆN HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
					TÍN CHỈ LÝ THUYẾT		TÍN CHỈ THỰC HÀNH		
					Trên lớp (Số tiết/Số TC)	Seminar Thảo luận (Số tiết/Số TC)	Trên lớp (Số tiết/Số TC)	Tự học, nghiên cứu (Số tiết/Số TC)	
15	LKT.BB04	Kinh tế vi mô	BB	3	3		0		
					36	9	0	0	
	Khối kiến thức chuyên ngành			84	84		0		
16	LKT.BB05	Luật Hành chính Việt Nam	BB	3	3		0		LKT.BB01 LKT.BB02
					36	9	0	0	
17	LKT.BB06	Luật Dân sự	BB	4	4		0		LKT.BB01
					48	12	0	0	
18	LKT.BB07	Luật Hình sự	BB	4	4		0		LKT.BB01
					48	12	0	0	
19	LKT.BB08	Kinh tế vĩ mô	BB	2	2		0		LKT.BB03
					24	6	0	0	
20	LKT.BB09	Luật Thương mại	BB	4	4		0		LKT.BB06
					48	12	0	0	
21	LKT.BB10	Luật Lao động	BB	3	3		0		LKT.BB06
					36	9	0	0	
22	LKT.BB11	Luật Tài chính	BB	3	3		0		LKT.BB05
					36	9	0	0	
23	LKT.BB12	Luật Ngân hàng	BB	3	3		0		LKT.BB11
					36	9	0	0	
24	LKT.BB13	Luật Đất đai	BB	3	3		0		LKT.BB05 LKT.BB06
					36	9	0	0	
25	LKT.BB14	Luật Môi trường	BB	3	3		0		LKT.BB05
					36	9	0	0	
26	LKT.BB15	Luật Cạnh tranh	BB	3	3		0		LKT.BB08
					36	9	0	0	
27	LKT.BB16	Luật Sở hữu trí tuệ	BB	3	3		0		LKT.BB06
					36	9	0	0	
28	LKT.BB17	Luật Thương mại quốc tế	BB	3	3		0		LKT.BB08
					36	9	0	0	
29	LKT.BB18	Pháp luật Hôn nhân và Gia đình	BB	3	3		0		LKT.BB06
					36	9	0	0	
30	LKT.BB19	Luật Thương mại điện tử	BB	2	2		0		LKT.BB08
					24	6	0	0	
31	LKT.BB20	Luật Kinh doanh bất động sản	BB	2	2		0		LKT.BB12
					24	6	0	0	
32	LKT.BB21	Xây dựng văn bản pháp luật	BB	2	2		0		LKT.BB01 LKT.BB03 LKT.BB05
					24	6	0	0	

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN (Bắt buộc/Tự chọn/Thay thế)	TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA HỌC PHẦN	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC				ĐIỀU KIỆN HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
					TÍN CHỈ LÝ THUYẾT		TÍN CHỈ THỰC HÀNH		
					Trên lớp (Số tiết/Số TC)	Seminar Thảo luận (Số tiết/Số TC)	Trên lớp (Số tiết/Số TC)	Tự học, nghiên cứu (Số tiết/Số TC)	
33	LKT.BB22	Công pháp quốc tế	BB	2	2		0		LKT.BB02
					24	6	0	0	
34	LKT.BB23	Tư pháp quốc tế	BB	2	2		0		LKT.BB06
					24	6	0	0	
35	LKT.BB24	Luật Tố tụng dân sự	BB	3	3		0		LKT.BB06
					36	9	0	0	
36	LKT.BB25	Luật Tố tụng hình sự	BB	3	3		0		LKT.BB07
					36	9	0	0	
37	LKT.BB26	Luật Đầu tư	BB	2	2		0		LKT.BB06 LKT.BB09
					24	6	0	0	
38	LKT.TC01	Nghề luật và nghề luật sư	TC	2	2		0		
					24	6	0	0	
39	LKT.TC02	Kỹ năng soạn thảo văn bản	TC	2	2		0		
					24	6	0	0	
40	LKT.TC03	Kỹ năng giải quyết vụ án dân sự	TC	2	2		0		LKT.BB06
					24	6	0	0	
41	LKT.TC04	Hợp đồng trong hoạt động thương mại	TC	2	2		0		LKT.BB06 LKT.BB09
					24	6	0	0	
42	LKT.TC05	Kỹ năng giải quyết vụ án kinh tế	TC	2	2		0		LKT.TC02
					24	6	0	0	
43	LKT.TC06	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại	TC	2	2		0		LKT.BB09 LKT.TC03 LKT.TC04
					24	6	0	0	
44	LKT.TC07	Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự	TC	2	2		0		LKT.BB07 LKT.BB25
					24	6	0	0	
45	LKT.TC08	Luật chứng khoán	TC	2	2		0		LKT.BB11
					24	6	0	0	
46	LKT.TC09	Luật kinh doanh bảo hiểm	TC	2	2		0		LKT.BB06
					24	6	0	0	
47	LKT.TC10	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	TC	2	2		0		LKT.BB06
					24	6	0	0	
48	LKT.TC11	Kinh tế học pháp luật	TC	2	2		0		LKT.BB04

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN (Bắt buộc/Tự chọn/Thay thế)	TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA HỌC PHẦN	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC				ĐIỀU KIỆN HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
					TÍN CHỈ LÝ THUYẾT		TÍN CHỈ THỰC HÀNH		
					Trên lớp (Số tiết/Số TC)	Seminar Thảo luận (Số tiết/Số TC)	Trên lớp (Số tiết/Số TC)	Tự học, nghiên cứu (Số tiết/Số TC)	
					24	6	0	0	
III	KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP			10	6		4		
49	Thực tập tốt nghiệp			4	0		4		
50	Viết khoá luận tốt nghiệp hoặc chọn học phần thay thế			6	6		0		
Sinh viên không viết khoá luận tốt nghiệp hoặc không đủ điều kiện viết khoá luận tốt nghiệp thì phải học 02 (hai) học phần thay thế sau:									
50.1	LKT.TT01	Luật Doanh nghiệp	TT	3	3		0		
					36	9	0	0	
50.2	LKT.TT02	Tội phạm kinh tế	TT	3	3		0		
					36	9	0	0	
Tổng số tín chỉ của CTĐT ngành Luật Kinh tế				133	125		8		